

Số: 70/2024/HS-ST
Ngày: 01-07-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng

Ông Trương Công Khánh

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 04 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 05 năm 2024 và Thông báo hoãn phiên tòa số 110/TB-TA ngày 30/05/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/01/1970, tại Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: tổ A phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: 1 V, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức V (đã chết) và bà Phan Thị C (đã chết). Có chồng Hồ Phước Thanh T (sinh năm 1962) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/03/2024. Hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

II. Những người tham gia tố tụng:

- Bị cáo: Nguyễn Thị Bích .

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị B:

1/ Luật sư Nguyễn Phan Huyền T1 - Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ (Bào chữa theo chỉ định của Tòa án). Sau phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị cáo từ chối Luật sư Nguyễn Phan Huyền T1, do gia đình bị cáo đã mời Luật sư Dương Kim H bào chữa cho bị cáo. Vắng mặt.

2/ Luật sư Dương Kim H - Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ (Bào chữa theo yêu cầu của gia đình bị cáo). Có mặt.

- Bị hại: Bà Đàm Thị Kim H1, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số A, đường H, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1998; Nơi cư trú: phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2/ Bà Huỳnh Thị Kim Q, sinh năm 1987; Nơi cư trú: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1977; Nơi cư trú: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4/ Ông Nguyễn Đăng P, sinh năm 1974; Nơi cư trú: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5/ Ông Lê Nguyễn Gia N1, sinh năm 1991; Nơi cư trú: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị Bạch T2, sinh năm 1971; Nơi cư trú: phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7/ Bà Mai Phương L, sinh năm, 1969; Nơi cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8/ Ông Trần Duy L1, sinh năm 1994; Nơi cư trú: phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9/ Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1992; Nơi cư trú: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, bà Đàm Thị Kim H1 quen biết bà Nguyễn Thị B từ năm 2015, bà H1 bắt đầu chung vốn với bà B để mua đất tại Đà Nẵng nhằm bán kiếm lời và chia lợi nhuận theo tỉ lệ vốn, các giao dịch góp vốn trước đó đều hoàn thành theo thỏa thuận.

Tháng 08/2018, bà H1 thống nhất với bà B chung mỗi bên một nửa tiền là 2.500.000.000 đồng để cùng bà B mua nhà đất số B đường C, thành phố Đà Nẵng được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số XXX2436 do UBND thành phố Đ cấp ngày 03/12/2003 (theo bản đồ VN 2000 là thửa đất số Z, tờ bản đồ số Q) của vợ chồng bà Nguyễn Thị H2 (sinh năm: 1977) và chồng là Nguyễn Đăng P, cùng trú: 43 B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (là em ruột bà B, hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ khởi tố bị can về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án khác) với giá 5.000.000.000 đồng nhằm bán lại kiếm lời; lúc này căn nhà đang được vợ chồng H2) thế chấp tại Ngân hàng B2 với số tiền 1.800.000.000 đồng (bà H1 khai không rõ số tiền vay lúc đó là bao nhiêu). Thông qua bà B, tổng số tiền bà H1 đã thanh toán để chung mua ½ nhà đất này là 2.100.000.000 đồng, 400.000.000 đồng còn thiếu trong phần góp mua đất thì bà H1 chịu trách nhiệm trả lãi theo lãi suất Ngân hàng. Theo bà H1, mục đích góp vốn là để đầu tư kiếm lời và chia theo tỷ lệ góp vốn, trường hợp lỗ thì hai bên cùng chịu theo tỷ lệ góp vốn nếu bà B có khách bán lại phải báo cho bà H1 biết để hai bên cùng quyết định. Thời điểm này việc mua bán chỉ trao đổi bằng miệng thông qua bà B chứ không lập giấy tờ gì và không làm thủ tục sang tên.

Ngày 21/5/2020, cũng với việc thế chấp nhà đất trên vợ chồng H2 tiếp tục ký Hợp đồng vay vốn thêm tại Ngân hàng B2 số tiền 500.000.000 đồng. Đến đây, số tiền thế chấp tại Ngân hàng là 2.300.000.000 đồng.

Theo bà B, ngày 26/7/2020 bà B bán lại $\frac{1}{2}$ phần tài sản nhà đất trên cho bà H2 với giá 2.500.000.000 đồng nhưng bà B không cho bà H1 biết (H2 khai không có việc này). Cùng ngày 26/7/2020, bà B soạn thảo Hợp đồng chuyển nhượng thể hiện việc vợ chồng H2 chuyển nhượng $\frac{1}{2}$ nhà đất trên cho Nguyễn Thanh N (con gái bà H1) với giá 2.500.000.000 đồng, xác nhận đã thanh toán 2.100.000.000 đồng để vợ chồng H2 ký vào bên bán và bà Bích ký làm chứng *nhưng Hợp đồng không có chữ ký của Nguyễn Thanh N.*

Ngày 14/12/2020, bà H2 tắt toán khoản vay trên và làm thủ tục chuyển nhượng cho Lê Nguyễn Gia N1 (là cháu ruột của bà B và H2) để nhờ N1 vay vốn tại ngân hàng V1 với số tiền là 2.580.000.000 đồng vào ngày 04/01/2021.

Ngày 18/11/2021, bà B tự ý bán nhà đất trên cho bà Huỳnh Thị Kim Q rồi lập Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất trên với giá 4.300.000.000 đồng, cùng ngày, bà Q chuyển vào tài khoản của bà B số 1902046448014 (mở tại T3) 500.000.000 đồng, số tiền này bà B sử dụng cá nhân.

Ngày 24/11/2021, bà Q chuyển vào Ngân hàng V1 (trên đường N, thành phố Đà Nẵng) số tiền 2.671.000.000 đồng để tắt toán khoản vay đang thế chấp nhà đất trên. Cùng ngày, bà Q và N1 lập Hợp đồng chuyển nhượng và bà Q chuyển vào tài khoản của bà B 1.120.000.000 đồng. Tổng số tiền thực tế mà bà Q thanh toán để mua nhà đất trên là 4.291.000.000 đồng. Đến ngày 03/12/2021, bà Q (chồng là Lê Quốc B1) được Văn Phòng Đ Chi nhánh quận C điều chỉnh biến động sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 30/12/2021, trong khi đã hoàn tất việc bán nhà đất trên nhưng sợ bà H1 phát hiện nên bà B viết “Giấy xác nhận” việc bà H1 cùng bà B mua nhà đất trên và giao cho bà B toàn quyền bán căn nhà với giá 4.200.000.000 đồng. Trong số tiền này bà H1 sẽ rút về 1.700.000.000 đồng và đến ngày 25/3/2022 nếu chưa bán được thì bà B phải trả cho bà H1 số tiền 1.700.000.000 đồng nhưng đến nay bà B chưa trả tiền cho bà H1. Như vậy, bà B đã gian dối chiếm đoạt $\frac{1}{2}$ nhà đất của bà H1 quy theo giá bán thực tế mà bà B đã bán cho bà Q là 2.145.500.000 đồng. Tài sản chiếm đoạt không thu hồi được.

* Tại Kết quả giám định số: 1050 ngày 13/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đ xác định: Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị B trên các tài liệu gồm: Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2018, Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 26/7/2020, Giấy xác nhận đề ngày 30/12/2020, Hợp đồng đặt cọc đất ngày 18/11/2021 do Nguyễn Thị B ký và viết ra.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2018, Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 26/7/2020 do Nguyễn Thị B giao nộp;
- Giấy xác nhận đề ngày 30/12/2020 do bà Đàm Thị Kim H1 giao nộp;
- Hình ảnh tin nhắn Zalo giữa bà B và bà H1 (do bà H1 giao nộp);
- Hợp đồng đặt cọc đất ngày 18/11/2021 do bà Huỳnh Thị Kim Q giao nộp;

- 01 điện thoại di động Iphone Xs Max của Nguyễn Thị B (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị B).

- Giấy xác nhận mượn tiền đứng tên Nguyễn Thị B đề ngày 30/12/2021 (do ông Trần Duy L1 giao nộp).

* Về kê biên tài sản: Ngày 11/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, đã ra Quyết định kê biên tài sản của Nguyễn Thị B là thửa đất số: A, tờ bản đồ số: B, diện tích: 517.7m², địa chỉ: thôn A xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CUXXX90 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 11/3/2020.

Quá trình điều tra bị can Nguyễn Thị B thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Với nội trên, tại Bản Cáo trạng số: 77/CT-VKS-P1 ngày 15/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Thị B về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 12 đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Thị B đã chiếm đoạt của bà Đàm Thị Kim H1 số tiền 2.145.500.000 đồng, nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà H1 số tiền này. Tại phiên tòa bị hại bà Đàm Thị Kim H1 chỉ yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt 1.745.000.000 đồng, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bị hại. Do gia đình bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000 đồng khắc phục hậu quả (theo biên lai thu số 0000345 ngày 18/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng), nên bị cáo còn tiếp tục hoàn trả cho bà H1 là 1.645.000.000 đồng.

* Đề nghị xử lý tang, tài vật:

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone Xs Max của Nguyễn Thị B (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị B);

- Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2018, Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 26/7/2020 do Nguyễn Thị B giao nộp; Giấy xác nhận đề ngày 30/12/2020 do bà Đàm Thị Kim H1 giao nộp; Hình ảnh tin nhắn Zalo giữa bà B và bà H1 (do bà H1 giao nộp); Hợp đồng đặt cọc đất ngày 18/11/2021 do bà Huỳnh Thị Kim Q giao nộp; Giấy xác nhận mượn tiền đứng tên Nguyễn Thị Bích đề ngày 30/12/2021 (do ông Trần Duy L1 giao nộp). *Các giấy tờ trên chuyển theo hồ sơ vụ án.*

Luật sư trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo B: Thống nhất về tội danh cũng như điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát áp dụng đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục một phần thiệt hại, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm

nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, trong 2.500.000.000 đồng chung vốn mua nhà đất, bà H1 chỉ góp 2.100.000.000 đồng, còn 400.000.000 đồng bà H1 còn nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, bị cáo chịu trách nhiệm về số tiền 2.145.500.000 đồng đã chiếm đoạt của bà H1 như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Mong HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được đoàn tụ với gia đình, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào tháng 8/2018, bà Đàm Thị Kim H1 và bị cáo Nguyễn Thị Bích c mỗi người 2.500.000.000 đồng để cùng mua nhà và đất tại số B đường C của vợ chồng ông Nguyễn Đăng P và bà Nguyễn Thị H2 (bà H2 là em ruột của bị cáo Nguyễn Thị B) với giá 5.000.000.000 đồng. Tại thời điểm trên, nhà đất vẫn đang thế chấp Ngân hàng, bà H1 chịu trách nhiệm hàng tháng trả tiền lãi trên nợ gốc 400.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2020, bà Nguyễn Thị H2 tất toán khoản vay trên và làm thủ tục chuyển nhượng cho Lê Nguyễn Gia N1. Ngày 18/11/2021, bị cáo Nguyễn Thị B tự ý bán nhà đất trên cho bà Huỳnh Thị Kim Q rồi lập Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất trên với giá 4.300.000.000 đồng. Tính đến ngày 24/11/2021, tổng số tiền thực tế mà bà Huỳnh Thị Kim Q đã thanh toán để mua nhà đất trên cho bị cáo B là 4.291.000.000 đồng. Ngày 30/12/2021, trong khi đã hoàn tất việc bán nhà đất trên, nhưng sợ bà H1 phát hiện, nên bị cáo B viết “Giấy xác nhận” việc bà H1 cùng bị cáo B mua nhà đất trên và giao cho bị cáo B toàn quyền bán căn nhà với giá 4.200.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo B đã không thông báo cho bà H1 biết việc đã bán nhà đất trên cho bà Q là 4.291.000.000 đồng, mà lẽ ra bị cáo B phải hoàn trả lại bà H1 là 1/2 số tiền đã bán nhà đất cho bà Q là 2.145.500.000 đồng, nhưng bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này, đến nay vẫn chưa trả lại cho bà H1 và tài sản hiện không thu hồi được.

Do đó, HĐXX có cơ sở kết luận Cáo trạng số 77/CT-VKSĐN-P2 ngày 15/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố: Bị cáo Nguyễn Thị B về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, HĐXX thấy:*

Quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, trong quá trình cùng chung vốn mua nhà đất, đã

chiếm đoạt số tiền 2.145.500.000 đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục một phần hậu quả 100.000.000 đồng/2.145.500.000 đồng cho bị hại, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Luật sư bào chữa đề nghị cho bị cáo, cho rằng do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy, bị cáo chiếm đoạt của bị hại 2.145.500.000 đồng từ cuối năm 2021, nhưng đến ngày 18/6/2024 mới chỉ khắc phục được 100.000.000 đồng, nên HĐXX không áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS như đề nghị của Luật sư.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Thị B đã chiếm đoạt của bà Đàm Thị Kim H1 số tiền 2.145.500.000 đồng, nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà H1 số tiền này. Tại phiên tòa, bị hại bà Đàm Thị Kim H1 tự nguyện chỉ yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 1.745.000.000 đồng và bị cáo đồng ý hoàn trả lại số tiền này cho bị hại. Xét sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo về việc bị cáo chỉ phải hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại là 1.745.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật, nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Do gia đình bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000 đồng khắc phục hậu quả (theo biên lai thu số 0000345 ngày 18/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng), nên bị cáo còn tiếp tục hoàn trả cho bà H1 là 1.645.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2018, Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 26/7/2020 do Nguyễn Thị B giao nộp; Giấy xác nhận đề ngày 30/12/2020 do bà Đàm Thị Kim H1 giao nộp; Hình ảnh tin nhắn Zalo giữa bà B và bà H1 (do bà H1 giao nộp); Hợp đồng đặt cọc đất ngày 18/11/2021 do bà Huỳnh Thị Kim Q giao nộp; Giấy xác nhận mượn tiền đứng tên Nguyễn Thị B đề ngày 30/12/2021 (do ông Trần Duy L1 giao nộp), được tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone Xs Max của Nguyễn Thị B (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị B), cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án, hiện Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/04/2024.

[7] *Về kê biên tài sản*: Ngày 11/03/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, đã ra Lệnh kê biên tài sản số: 232/LKB-VPCQCSĐT: Kê biên tài sản của Nguyễn Thị B là thửa đất số: A, tờ bản đồ số: B, diện tích: 517.7m²(ONT+CLN), địa chỉ tại: thôn A xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CUXXX90 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 11/03/2020. Xét thấy, bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục phải hoàn trả cho lại cho bà H1 là 1.645.000.000 đồng, hiện nay gia đình bị cáo mới khắc phục được 100.000.000 đồng, nên cần tiếp tục kê biên tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000 đồng và án phí DSST là 1.645. 000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 845.000.000 đồng) = 61.350.000 đồng.

[9] *Các vấn đề khác*:

- Đối với Nguyễn Thị H2: Quá trình điều tra xác định, thời điểm xảy ra tội phạm bắt đầu từ lúc Nguyễn Thị B tự quyết bán nhà đất số B đường C, thành phố Đà Nẵng cho Huỳnh Thị Kim Q để chiếm đoạt ½ nhà đất này của bà H1. Ngoài bà B thì không có ai nhận tiền từ bà Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không đề cập xử lý đối với bà Nguyễn Thị H2, nên HĐXX không đề cập đến.

- Đối với Lê Nguyễn Gia N1: Quá trình điều tra xác định, N1 chỉ là người được nhờ đứng tên trong Giấy C1 quyền sử dụng đất để giúp vay vốn, việc bán nhà đất là do Nguyễn Thị B quyết định, ngoài bà B thì không có ai nhận tiền từ bà Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không đề cập xử lý đối với Lê Nguyễn Gia N1, nên HĐXX không đề cập đến.

- Đối với Huỳnh Thị Kim Q: Bà Huỳnh Thị Kim Q mua nhà đất 259 C, thành phố Đà Nẵng với số tiền thực tế là: 4.291.000.000 đồng nhưng Hợp đồng chuyển nhượng được lập vào ngày 24/11/2021 ghi giá là 1.700.000.000 đồng, theo Hợp đồng thì bên mua chịu trách nhiệm nộp thuế. Do vậy hành vi của bà Q có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã có Công văn số: 1211 ngày 21/3/2024 chuyển thông tin về hành vi này đến Chi Cục thuế khu vực C2 - H, thành phố Đà Nẵng để kiểm tra, xử lý, nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với việc bà Đàm Thị Kim H1 tố cáo bà Nguyễn Thị B chiếm đoạt thửa đất theo Giấy chứng nhận số BHXXX16 đứng tên bà Nguyễn Thanh N (con gái bà H1): Theo quy định pháp luật hiện hành (Luật đất đai 2013, Bộ Luật dân sự 2015) thấy rằng: Giấy chứng quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền trên đất của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền trên đất nên không phải là giấy tờ có giá. Mặt khác, hiện nay bà Nguyễn Thanh N vẫn đang đứng tên đất đối với thửa đất này nên chưa mất quyền tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ kết luận đây không phải là hành vi chiếm đoạt tài sản, nên HĐXX không đề cập đến.

Ngoài ra, Nguyễn Thị B còn bị tố cáo của các ông gồm:

Ông Nguyễn Công D cho bà B vay nhiều lần với số tiền 6.440.000.000 đồng; ông Trần Duy L1 cho bà B vay số tiền 500.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thành phố Đ xác định sự việc theo đơn tố cáo là tranh chấp dân sự trong việc vay mượn tiền, không có dấu hiệu tội phạm, nên HĐXX không đề cập đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội: **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”**.

2. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thị B **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù kể từ ngày bị bắt giam, ngày 14/03/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Đàm Thị Kim H1 và bị cáo Nguyễn Thị B về việc bị cáo Nguyễn Thị B phải hoàn trả lại cho bà Đàm Thị Kim H1 số tiền đã chiếm đoạt là 1.745.000.000 đồng. Do gia đình bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000 đồng khắc phục hậu quả (Hiện Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên lai thu số 0000345 ngày 18/6/2024), nên bị cáo B còn tiếp tục hoàn trả lại cho bà H1 số tiền là 1.645.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ, thì còn phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS; Tuyên:

- Tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động Iphone Xs Max của Nguyễn Thị B (đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị B, hiện Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/04/2024.

- Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án: Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2018, Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 26/7/2020 do Nguyễn Thị B giao nộp; Giấy xác nhận đề ngày 30/12/2020 do bà Đàm Thị Kim H1 giao nộp; Hình ảnh tin nhắn Zalo giữa bà B và bà H1 (do bà H1 giao nộp); Hợp đồng đặt cọc đất ngày 18/11/2021 do bà Huỳnh Thị Kim Q giao nộp; Giấy xác nhận mượn tiền đứng tên Nguyễn Thị Bích đề ngày 30/12/2021 (do ông Trần Duy L1 giao nộp) .

5. Về kê biên tài sản: Tiếp tục Lệnh kê biên tài sản số: 232/LKB-VPCQCSĐT ngày 11/03/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, đối với tài sản của bị cáo Nguyễn Thị B là thửa đất số: A, tờ bản đồ số: B, diện tích: 517.7m² (ONT+CLN), địa chỉ tại: thôn A xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CUXXX90 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 11/03/2020, để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 61.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam công an TP.Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng